

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng Quý IV năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Kỳ tài chính ngày 31/12/2019 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43,917,480,624	49,316,110,732
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	44,423,475	21,976,033,824
Tiền	111		44,423,475	1,476,033,824
Các khoản tương đương tiền	112		-	20,500,000,000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,500,000,000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2a	2,500,000,000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31,138,543,365	24,999,199,965
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36,003,275,346	35,993,912,208
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2,906,179,537	2,642,945,961
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		27,571,000,000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	14,117,054,993	26,880,808,307
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(49,458,966,511)	(40,518,466,511)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		40,511,921	40,511,921
Hàng tồn kho	141		40,511,921	40,511,921
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10,194,001,863	2,300,365,022
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	7,957,904,142	242,054,005
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		596,095,082	418,308,378
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	1,640,002,639	1,640,002,639
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Kỳ tài chính ngày 31/12/2019 Đơn vị: VND

			-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38,766,538,197	39,131,237,478
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	371,528,160
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	371,528,160
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		11,726,629	17,355,420
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	11,726,629	17,355,420
<i>Nguyên giá</i>	222		291,287,094	291,287,094
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(279,560,465)	(273,931,674)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		43,000,000	43,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(43,000,000)	(43,000,000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	38,754,811,568	38,650,436,818
Đầu tư vào công ty con	251		38,754,811,568	38,650,436,818

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Kỳ tài chính ngày 31/12/2019 Đơn vị: VND

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
Đầu tư khác vào công ty khác	253	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
Tài sản dài hạn khác	260	-	91,917,080
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	91,917,080
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	82,684,018,821	88,447,348,210

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		31,397,547,138	21,972,005,627
Nợ ngắn hạn	310		31,397,547,138	21,972,005,627
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	11,926,338	60,950,030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9,002,309,015	13,080,120
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	112,367,908	390,166,777
Phải trả người lao động	314		291,151,770	291,826,666
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		580,536,383	19,200,000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,100,000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1,433,620,158	1,351,741,928
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	19,964,277,210	19,844,781,750
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	0

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Kỳ tài chính ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	258,356	258,356	
Quỹ bình ổn giá	323	-	-	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-	
Nợ dài hạn	330	-	-	
Phải trả người bán dài hạn	331	-	-	
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-	
Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-	
Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-	
Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-	
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	
Phải trả dài hạn khác	337	-	-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-	
Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-	
Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-	
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-	
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	51,286,471,683	66,475,342,583	
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	51,286,471,683	66,475,342,583
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	92,418,010,000	92,418,010,000	
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	92,418,010,000	92,418,010,000	
Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-	
Thặng dư vốn cổ phần	412	55,260,000	55,260,000	
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-	
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-	
Cổ phiếu quỹ (*)	415	(1,744,349,375)	(1,744,349,375)	
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			

Báo cáo tài chính riêng này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Kỳ tài chính ngày 31/12/2019 Đơn vị: VND

		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	1,705,559,758	1,705,559,758
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41,148,008,700	25,959,137,800
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	31,429,977,991	25,959,137,800
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	9,718,030,709	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	432	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	82,684,018,821	88,447,348,210

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
		
Nguyễn Thị Thanh Chi	Nguyễn Thị Thanh Chi	Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý Năm nay	Số cuối quý Năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý trước (năm trước)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	61,758,945	18,698,400	202,039,710	18,698,400
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	61,758,945	18,698,400	202,039,710	18,698,400
Giá vốn hàng bán	11	6.2	31,760,078	12,534,284	103,278,462	12,534,284
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,998,867	6,164,116	98,761,248	6,164,116
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9,133,743,563	11,679,868,389	9,515,728,450	11,777,387,046
Chi phí tài chính	22	6.4	8,030,605,800	5,307,234,068	8,151,391,356	6,199,707,332
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10,849,338,496	2,288,658,279	16,381,339,398	7,219,954,352
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9,716,201,866)	4,090,140,158	(14,918,241,056)	(1,636,110,522)
Thu nhập khác	31	6.6			-	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 Đơn vị: VND

			-	2,017,890,520	-	2,017,890,520
Chi phí khác	32	6.7	-	-	-	-
			1,828,843	3,766,000	123,986,763	3,766,000
Lợi nhuận khác	40		(1,828,843)	2,014,124,520	(123,986,763)	2,014,124,520
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9,718,030,709)	6,104,264,678	(15,042,227,819)	378,013,998
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9,718,030,709)	6,104,264,678	(15,042,227,819)	378,013,998

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Thanh Chi

Nguyễn Thị Thanh Chi

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2019	01/01/2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế		-	-
	01	9,718,030,709	1,442,511,367
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5,628,791	5,628,792
Các khoản dự phòng	03	8,940,500,000	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	10,742,380
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	771,901,918	1,447,624,955
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7,214,057,865	113,145,335
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	40,511,921
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9,306,046,051	334,272,365
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7,623,933,057	-
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	1,606,129,424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8,124,268,941	2,646,848,600
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	30,071,000,000	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	1,000,000,000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	15,000,000,000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	104,374,750	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2018 Đơn vị: VND

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	10,742,380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30,175,374,750	14,010,742,380
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	1,744,349,375
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	119,495,460	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	119,495,460	1,744,349,375
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	21,931,610,349	9,619,544,405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	60	21,976,033,824	14,931,463,793
	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	44,423,475	24,551,008,198

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Thanh Chi

Nguyễn Thị Thanh Chi



Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ tài chính ngày 31/12/2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 12) vào ngày 19 tháng 04 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là PGT.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy;
- Kinh doanh nhà, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo dạy nghề, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển; Cho thuê kho; Môi giới thương mại;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lát đường, khoáng sản;
- Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản nguyên liệu ngành xăng dầu - công nghiệp - nông nghiệp, lương thực thực phẩm;
- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại; Thi công cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm: Giới thiệu lao động;
- Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Quỹ tín dụng nhân dân;
- Cho thuê xe ô tô;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); tổ chức sự kiện và các dịch vụ liên quan;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ Phần PGT JP	100,00%	100,00%	100,00%

Ngoài ra, các Công ty con còn nắm giữ các quyền kiểm soát tại các Công ty khác như sau:

- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát nắm giữ 100% quyền biểu quyết tại Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Upraise (tên cũ là Công ty TNHH Du lịch Thủy Thiên Tán).
- Công ty Công ty Cổ Phần PGT JP.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn để độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2019 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.17. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Các khoản tương đương tiền	44.408.075	21.976.033.824
Cộng	44.408.075	21.976.033.824

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	51.150.436.818	-	38.650.436.818	-
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	19.000.000.000	-	(*) 19.000.000.000	(*)
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	19.650.436.818	-	(*) 19.650.436.818	(*)
Công ty Cổ phần PGT JP	104.374.750	-	-	-
Cộng	38.754.811.568	-	(*) 38.650.436.818	(*)

Chi tiết các khoản đầu tư

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết năm giữ
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát (i)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) (ii)	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần PGT JP	100,00%	100,00%	-	-
Cộng			38.754.811.568	38.650.436.818

(i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát theo Nghị quyết số 09/2016/QĐ-HĐQT-PGT ngày 18/06/2016. Công ty đầu tư với số tiền là 19.000.000.000 đồng chiếm 100,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát hoạt động trong lĩnh vực tư vấn máy vi tính, đại lý môi giới bảo hiểm.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-PGT ngày 31/10/2017. Công ty đầu tư với số tiền là 19.650.436.818 đồng chiếm 70,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMP) đang hoạt động như một tổ chức Tài chính vi mô nhận tiền gửi trên khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc thị trường thấp hơn và tham gia vào tất cả các hoạt động khác được Cơ quan giám sát tài chính vi mô cho phép.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần PGT JP. Công ty đầu tư với số tiền là 104.374.750 đồng chiếm 100,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần PGT JP hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Số đầu kỳ	-	5.548.035.582
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	744.730.350
Số cuối kỳ	-	6.292.765.932

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
- Công ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
- Công ty Cổ phần Kết cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	137.870.393
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thi công Cơ giới Tây Đô	130.200.000	130.200.000
- Các khách hàng khác	409.093.819	399.730.681
Cộng	36.003.275.346	35.993.912.208

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Công ty Global Mobility Service Inc (i)	1.892.916.000	1.892.916.000
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan (ii)	535.920.000	535.920.000
- Các nhà cung cấp khác	477.343.537	214.109.961
Cộng	2.906.179.537	2.642.945.961

5.5 Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu về cho vay là bên liên quan	9.090.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát (i)	8.400.000.000	-
Phải thu về cho vay là bên thứ ba	19.171.000.000	-
- Công ty TNHH Hào Quang (iii)	3.171.000.000	-
- Công ty CP Manpower	16.000.000.000	-
Cộng	27.571.000.000	-

- (i) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát vay theo hợp đồng 02/2019/HĐCV ngày 08/05/2019. Cho vay không tính lãi với thời hạn vay 01 năm.
- (ii) Là khoản cho Công ty Cổ phần Nhân lực Việt Nam Nhật Bản vay theo hợp đồng 01/2019/HĐCV ngày 05/03/2019. Cho vay lãi suất 6,5%/năm với thời hạn vay 06 tháng.
- (iii) Là khoản cho Công ty TNHH Hào Quang vay theo hợp đồng ngày 03/04/2019. Cho vay lãi suất 6,5%/năm với thời hạn vay 1 năm.

5.6 Phải thu khác**Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 Giá gốc	Dự phòng	01/01/2019 Giá gốc
Tạm ứng			
Ông KaKaZu Shogo	239,494,690	-	386,047,157
Các nhân viên khác		-	250,000,000
	239,494,690	-	136,047,157
Ký cược, ký quỹ	-	-	1,751,750,000
BHXX phải thu	2,663,761	-	156,300
Phải thu khác	13,874,896,542	12,931,664,303	24,742,854,850
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-	10,000,000
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát		-	10,000,000
Phải thu ngắn hạn khác các bên độc lập	13,874,896,542	12,931,664,303	24,732,854,850
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (ii)	8,940,500,000	8,940,500,000	8,940,500,000
Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (iii)	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Nguyễn Hoàng Giang	264,178,662	264,178,662	264,178,662
Các đối tượng khác	1,670,217,880	726,985,641	12,528,176,188
Cộng	14,117,054,993	12,931,664,303	26,880,808,307

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

- (i) Khoản đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty Cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyển nhượng dự án bất động sản.
- (ii) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0807/HĐĐT ngày 08/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (tiền thân là Công ty Cổ phần HHR) và các nhà đầu tư Nhật Bản (đại diện là Công ty Cổ phần PGT Holdings) về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án khách sạn.
- (iii) Chi phí pháp lý của khoản đầu tư ra nước ngoài theo Nghị quyết 13/2019/QĐ-HDQT-PGT ngày 19/04/2019 về việc chấp thuận đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua lại toàn bộ cổ phần và điều hành tại Công ty.

5.7 Nợ xấu

	Giá gốc	Dự phòng trong năm	Giá gốc	Dự phòng	Giá
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
Từ 03 năm trở lên	49,458,966,511	49,458,966,511	40,518,466,511	40,518,466,511	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27,855,320,000	27,855,320,000	27,855,320,000	27,855,320,000	
Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5,207,287,675	5,207,287,675	5,207,287,675	5,207,287,675	
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1,194,873,000	1,194,873,000	1,194,873,000	1,194,873,000	
Công ty Cổ phần Hiệp Thành An	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	
Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561,919,900	561,919,900	561,919,900	561,919,900	
Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535,920,000	535,920,000	-	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (ii)	8,940,500,000	8,940,500,000			
Công Ty Cổ Phần Tân Tân Ông Nguyễn Hoàng Giang	297,747,182	297,747,182	297,747,182	297,747,182	
Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	264,178,662	264,178,662	264,178,662	264,178,662	
Nguyễn Văn Thủy	208,963,377	208,963,377	208,963,377	208,963,377	
	137,870,393	137,870,393	137,870,393	137,870,393	

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Cty CP XL Và Thi Coong Cơ Giới Tây Đô Các khách hàng khác	130,200,000	130,200,000	130,200,000	130,200,000
	1,124,186,322	1,124,186,322	1,660,106,322	1,660,106,322
Cộng	49,458,966,511	49,458,966,511	40,518,466,511	40,518,466,511

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Số đầu kỳ	49.458.966.511	40.518.466.511
Số cuối kỳ	49.458.966.511	40.518.466.511

5.8 Chi phí trả trước**Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2019 (VND)	31/12/2019 (VND)
- Chi phí trả trước	242.054.005	2.907.904.142
Cộng	242.054.005	2.907.904.142

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	145,592,965	145,694,129	291,287,094
Mua trong năm	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	145,592,965	145,694,129	291,287,094
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	145,592,965	128,338,709	273,931,674
Khấu hao trong năm	-	5,628,792	5,628,792
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	145,592,965	133,967,501	

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

			279,560,466
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm			
	-	17,355,420	17,355,420
Tại ngày cuối năm			
	-	11,726,628	11,726,628
Trong đó:			
- Thẻ chấp, cầm cố	-	-	-
- Đã KH hết, đang sử dụng	145,592,965	111,921,402	257,514,367

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với giá trị 43.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2019.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế thu nhập cá nhân	112.367.908	112.367.908	390.166.777	390.166.777
Cộng	112.367.908	112.367.908	390.166.777	390.166.777

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/09/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải trả khác	1.433.620.158	1.351.741.928
Cộng	1.433.620.158	1.351.741.928

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/10/2019 (VND)	Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ (VND)	Trả tiền vay trong kỳ (VND)	31/12/2019 (VND)
Công ty Cổ phần All Corporation (i)	19.844.781.750	119.495.460	-	19.964.277.210
Cộng	19.844.781.750	119.495.460	-	19.964.277.210

- (i) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần All Corporation theo Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/05/2018 và ngày 24/06/2019 với số tiền vay 855.538,58 USD. Mục đích vay là để thực hiện thanh toán một phần tiền đặt cọc cho việc thu mua dự án Trung tâm thương mại - Dịch vụ - Cao ốc văn phòng - Khách sạn quốc tế - căn hộ tại số 485 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký phụ lục, lãi suất vay 5%/năm từ ngày 25/05/2019 (trước đó là 0%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2018	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(26.238.554.172)	66.195.926.211
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	279.416.372	279.416.372
31/12/2018	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(25.959.137.800)	66.475.342.583
01/10/2019	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(31.429.977.991)	61.004.502.392
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(9.718.030.709)	(9.718.030.709)
31/12/2019	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(41.148.008.700)	51.286.471.683

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/09/2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	92.418.010.000	92.418.010.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- Cổ phiếu phổ thông	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(384.196)	(384.196)
- Cổ phiếu phổ thông	(384.196)	(384.196)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	8.857.605
- Cổ phiếu phổ thông	8.857.605	8.857.605

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	61,758,945	18,698,400
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	61,758,945	18,698,400
Doanh thu thuần	61,758,945	18,698,400

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ khác	31,760,078	12,534,284
Cộng	31,760,078	12,534,284

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động tài chính	9.133.743.563	11.679.868.389
Cộng	9.133.743.563	11.679.868.389

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí hoạt động tài chính khác	8.030.605.800	5.307.234.068
Cộng	8.030.605.800	5.307.234.068

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí quản lý	10.849.338.496	2.288.658.279
Cộng	10.849.338.496	1.764.170.550

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Cộng	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.718.030.709)	6.104.264.678
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-	3.766.000
- Điều chỉnh tăng	-	3.766.000
+ <i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	3.766.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(9.718.030.709)	6.104.264.678
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

7. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

		
Nguyễn Thị Thanh Chi	Nguyễn Thị Thanh Chi	Kakazu Shogo

